

Số: 05/2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về triển khai thí điểm chào bán, phát hành tài sản mã hóa, tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa và cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa; quản lý nhà nước về thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thực hiện thí điểm bao gồm: Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa; tổ chức phát hành tài sản mã hóa; tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư tài sản mã hóa và hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam trong phạm vi quy định tại Nghị quyết này.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa, tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa; quản lý nhà nước về thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử.

2. Tài sản mã hóa là một loại tài sản số mà sử dụng công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự để xác thực đối với tài sản trong quá trình tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao. Tài sản mã hóa không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về dân sự, tài chính.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa là doanh nghiệp thực hiện, cung cấp một hoặc một số dịch vụ, hoạt động sau:

- a) Tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;
- b) Tự doanh tài sản mã hóa;
- c) Lưu ký tài sản mã hóa;
- d) Cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa.

4. Tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa là việc cung cấp nền tảng hoặc hệ thống cơ sở hạ tầng để trao đổi thông tin, tập hợp lệnh mua, bán, giao dịch tài sản mã hóa và thanh toán giao dịch tài sản mã hóa.

5. Tự doanh tài sản mã hóa là việc mua hoặc bán tài sản mã hóa cho chính tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

6. Lưu ký tài sản mã hóa là việc nhận lưu trữ, bảo quản, chuyển giao tài sản mã hóa cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến tài sản mã hóa lưu ký.

7. Cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa là việc cung cấp hệ thống điện tử phục vụ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa.

8. Tổ chức phát hành tài sản mã hóa là tổ chức thực hiện chào bán, phát hành tài sản mã hóa thông qua nền tảng phát hành tài sản mã hóa.

9. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

10. Nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa

1. Việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, có kiểm soát, có lộ trình phù hợp với thực tiễn, an toàn, minh bạch, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường tài sản mã hóa.

2. Việc thí điểm phải bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong thời gian thực hiện thí điểm, trường hợp phát sinh rủi ro ảnh hưởng đến an ninh, an toàn thị trường tài chính, tiền tệ, trật tự xã hội hoặc lợi ích công cộng, Bộ Tài chính trình Chính phủ quyết định phương án thực hiện tạm ngừng, đình chỉ, điều chỉnh, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện thí điểm đối với một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động liên quan đến thí điểm thị trường tài sản mã hóa theo nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, doanh nghiệp.

3. Nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, ngoài việc tuân thủ pháp luật Việt Nam phải tuân thủ các quy định pháp luật của nước nơi tổ chức đó thành lập, hoạt động hoặc nơi cá nhân đó mang quốc tịch, trừ trường hợp các quy định đó trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia thị trường tài sản mã hóa có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, không gây hiểu nhầm của thông tin công bố; tuân thủ các quy định về việc phát hành, giao dịch, thông tin nội bộ,

mục đích sử dụng tài sản mã hóa. Chỉ tổ chức được Bộ Tài chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa và quảng cáo, tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia thị trường tài sản mã hóa phải tuân thủ quy định pháp luật có liên quan về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu để bảo đảm an ninh, an toàn trên thị trường tài sản mã hóa và các pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

6. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định pháp luật hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính. Các hành vi vi phạm về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa, mức phạt, hình thức xử phạt và thẩm quyền xử phạt theo quy định của Chính phủ. Bộ Tài chính có thẩm quyền tạm ngừng, đình chỉ một hoặc một số hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, doanh nghiệp và Nhà nước.

7. Việc chào bán, phát hành, giao dịch, thanh toán tài sản mã hóa phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam.

8. Tài sản mã hóa được sử dụng cho mục đích trao đổi hoặc đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này.

9. Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

10. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị xâm phạm hoặc có tranh chấp phát sinh trong hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thì việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp hoặc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 5. Điều kiện chào bán, phát hành tài sản mã hóa

1. Tổ chức phát hành tài sản mã hóa là doanh nghiệp Việt Nam, đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

2. Tài sản mã hóa phải được phát hành dựa trên tài sản cơ sở là tài sản thực không bao gồm tài sản là chứng khoán, tiền pháp định.

Điều 6. Quy định về chào bán, phát hành tài sản mã hóa

1. Tài sản mã hóa chỉ được chào bán, phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài.
2. Tài sản mã hóa quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được giao dịch giữa các nhà đầu tư nước ngoài thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được Bộ Tài chính cấp phép.
3. Tối thiểu 15 ngày trước khi thực hiện chào bán, phát hành tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải công bố thông tin về Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có) trên trang thông tin điện tử (website) của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 7. Quy định về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Nhà đầu tư trong nước đang có tài sản mã hóa, nhà đầu tư nước ngoài được mở tài khoản tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép để lưu ký, mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.
2. Sau thời hạn 6 tháng kể từ khi tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đầu tiên được cấp phép, nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa không thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa được thực hiện, cung cấp các dịch vụ, hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này. Các giao dịch tài sản mã hóa phải được thực hiện thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép.

Điều 8. Điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Là doanh nghiệp Việt Nam, có đăng ký kinh doanh ngành, nghề hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp.
2. Việc góp vốn điều lệ phải bằng Đồng Việt Nam và có vốn điều lệ đã góp tối thiểu là 10.000 tỷ Đồng Việt Nam.
3. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn:

a) Có tối thiểu 65% vốn điều lệ do các cổ đông, thành viên là tổ chức góp vốn, trong đó có trên 35% vốn điều lệ do ít nhất 02 tổ chức là ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty bảo hiểm, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ góp vốn;

b) Cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức phải có tư cách pháp nhân, hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền trước năm đề nghị cấp giấy phép; báo cáo tài chính 02 năm liền trước của tổ chức góp vốn phải được kiểm toán và ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp thuận toàn phần;

c) Tổ chức, cá nhân chỉ được góp vốn tại 01 tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép;

d) Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không được vượt quá 49% vốn điều lệ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

4. Có trụ sở làm việc, có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang bị, thiết bị văn phòng, hệ thống công nghệ phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

5. Điều kiện về nhân sự:

a) Tổng giám đốc (Giám đốc) có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc quản lý quỹ;

b) Giám đốc công nghệ (hoặc vị trí tương đương) có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận công nghệ thông tin của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ;

c) Có tối thiểu 10 nhân sự làm việc tại bộ phận công nghệ có văn bằng, chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin mạng đáp ứng quy định tại Điều 50 Luật an toàn thông tin mạng; có tối thiểu 10 nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ khác.

6. Có các quy trình nghiệp vụ sau:

a) Quy trình quản trị rủi ro, bảo mật thông tin;

b) Quy trình cung cấp dịch vụ nền tảng phát hành tài sản mã hóa;

c) Quy trình lưu ký, quản lý tài sản khách hàng;

d) Quy trình giao dịch, thanh toán;

đ) Quy trình tự doanh;

e) Quy trình phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

- g) Quy trình công bố thông tin;
- h) Quy trình kiểm soát nội bộ;
- i) Quy trình giám sát giao dịch;
- k) Quy trình ngăn ngừa xung đột lợi ích, giải quyết khiếu nại của khách hàng, bồi thường khách hàng.

7. Hệ thống công nghệ thông tin của Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải đáp ứng tiêu chuẩn cấp độ 4 an toàn hệ thống công nghệ thông tin theo quy định pháp luật về an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành, khai thác.

Điều 9. Hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này kèm theo Điều lệ của tổ chức đăng ký.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trong trường hợp tài liệu này chưa được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này kèm theo các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương đối với tổ chức trong trường hợp tài liệu này chưa được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; báo cáo tài chính 02 năm liền trước của tổ chức góp vốn đã được kiểm toán;

b) Biên bản thỏa thuận góp vốn, trong đó thể hiện thông tin đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 8 của Nghị quyết này;

c) Văn bản cam kết của tổ chức, cá nhân góp vốn về việc tuân thủ quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan đến góp vốn.

4. Bản thuyết minh cơ sở vật chất theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, kèm theo giấy tờ chứng minh quyền sở hữu trụ sở, quyền sử dụng trụ sở hoặc hợp đồng thuê trụ sở.

5. Danh sách nhân sự theo Mẫu số 05 và Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị quyết này; hợp đồng lao động của các nhân sự này.

6. Quy trình quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị quyết này.

7. Văn bản thẩm định của Bộ Công an đối với hồ sơ đề xuất an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 của tổ chức đăng ký.

8. Tài liệu chứng minh vốn góp bằng Đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết này; báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo vốn điều lệ đã góp được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Hồ sơ quy định tại Điều 9 Nghị quyết này phải được lập bằng văn bản thành 01 bộ gốc bằng tiếng Việt. Trường hợp tài liệu trong hồ sơ là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực. Hồ sơ được nộp và trả trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ, hợp lệ các tài liệu quy định tại các khoản 1, 2, 5, 6 Điều 9 Nghị quyết này, Bộ Tài chính có văn bản về việc tổ chức đăng ký tiến hành các thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Bộ Tài chính có văn bản quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức đăng ký tiếp tục nộp các tài liệu quy định tại các khoản 3, 4, 7, 8 Điều 9 Nghị quyết này. Bộ Tài chính không tiếp tục xử lý hồ sơ của tổ chức đăng ký trong trường hợp không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các tài liệu quy định tại các khoản 3, 4, 7, 8 Điều 9 Nghị quyết trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm Bộ Tài chính nhận được đầy đủ các tài liệu quy định tại Điều 9 Nghị quyết này, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét hồ sơ và cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm Bộ Tài chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức đăng ký phải thực hiện công bố thông tin về ngày chính thức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp. Đồng thời, tổ chức đăng ký phải thực

hiện đăng tải các quy trình quy định tại các điểm b, c, d, g, k khoản 6 Điều 8 của Nghị quyết này, báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo vốn điều lệ đã góp được kiểm toán tại thời điểm gần nhất quy định tại khoản 8 Điều 9 của Nghị quyết trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

6. Sau 30 ngày kể từ thời điểm Bộ Tài chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức đăng ký phải hoạt động theo Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không hoạt động thì Bộ Tài chính tiến hành các thủ tục thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết này.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Hồ sơ điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Trường hợp thay đổi tên công ty, địa chỉ đặt trụ sở chính, vốn điều lệ, hồ sơ kèm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty về việc thay đổi tên công ty, địa chỉ đặt trụ sở chính, vốn điều lệ;

c) Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hồ sơ kèm theo tài liệu quy định tại các khoản 4, 7 Điều 9 Nghị quyết này;

d) Trường hợp tăng vốn điều lệ, hồ sơ kèm theo xác nhận của tổ chức kiểm toán được chấp thuận về khoản vốn tăng thêm hoặc báo cáo tài chính tại thời điểm sau khi tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa hoàn thành việc tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

đ) Trường hợp giảm vốn điều lệ, hồ sơ kèm theo báo cáo vốn chủ sở hữu sau khi giảm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

e) Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật mà không thay đổi chức danh, hồ sơ kèm theo Quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) kèm theo Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này;

g) Trường hợp thay đổi thông tin, chức danh của người đại diện theo pháp luật, hồ sơ kèm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật, sửa đổi Điều lệ công ty (trường hợp thay đổi chức danh) và các tài liệu quy định tại điểm e khoản này.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa:

a) Việc lập, nộp hồ sơ, trả kết quả được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Quy định về việc thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa bị Bộ Tài chính thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa trong các trường hợp sau:

a) Có văn bản đề nghị thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này hoặc của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

b) Giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập thực hiện theo pháp luật chuyên ngành;

c) Không khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến tạm ngừng, đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính tạm ngừng, đình chỉ một hoặc một số hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

d) Không tiến hành hoạt động theo Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị quyết này.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản trả lời về việc thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

3. Đối với trường hợp thu hồi giấy phép quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, nhà đầu tư có quyền lưu ký tài sản mã hóa tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khác; trường hợp nhà đầu tư không thực hiện lưu ký tài sản

mã hóa tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khác, Bộ Tài chính có quyền chỉ định tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khác thay thế để hoàn tất các giao dịch, hợp đồng của doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép; trong trường hợp này, quan hệ ủy quyền mặc nhiên được xác lập giữa hai doanh nghiệp.

4. Khi bị Bộ Tài chính thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Chấm dứt ngay mọi hoạt động ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa và thông báo trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp;

b) Trong vòng 45 ngày, thực hiện việc tất toán tài sản của khách hàng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được khách hàng chọn hoặc được Bộ Tài chính chỉ định tiếp nhận và quản lý tài sản của khách hàng;

c) Báo cáo Bộ Tài chính sau khi hoàn thành nghĩa vụ tất toán tài sản của khách hàng.

5. Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

Chương IV

CHUYỂN TIỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 13. Chuyển tiền của nhà đầu tư nước ngoài

1. Nhà đầu tư nước ngoài phải mở 01 tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam (sau đây gọi là tài khoản chuyên dùng) tại 01 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam (sau đây gọi là ngân hàng được phép) để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.

2. Tài khoản chuyên dùng bằng Đồng Việt Nam để thực hiện các giao dịch sau:

a) Thu chuyển khoản từ bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép;

b) Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;

c) Thu từ bán tài sản mã hóa theo quy định tại Nghị quyết này;

d) Thu chuyển số dư trong trường hợp thay đổi tài khoản chuyên dùng theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị quyết này;

đ) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật;

e) Chi để mua tài sản mã hóa theo quy định tại Nghị quyết này;

g) Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của

nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;

h) Chỉ mua ngoại tệ tại ngân hàng được phép để chuyển tiền từ nguồn thu hợp pháp quy định tại Điều này ra nước ngoài;

i) Chỉ chuyển số dư sang tài khoản chuyên dùng mới theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị quyết này;

k) Chỉ trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản, giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

3. Việc mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này. Những nội dung về tài khoản chuyên dùng không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

4. Đối với hồ sơ mở tài khoản chuyên dùng tại các ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam, trong trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì thực hiện như sau:

a) Tài liệu phải được công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài trong vòng 12 tháng tính đến ngày ngân hàng được phép nhận hồ sơ;

b) Ngân hàng được phép được thỏa thuận với khách hàng về việc dịch hoặc không dịch ra tiếng Việt nhưng phải bảo đảm các nguyên tắc: ngân hàng được phép phải kiểm tra, kiểm soát và chịu trách nhiệm xác nhận về nội dung của các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài bảo đảm đáp ứng đủ các thông tin yêu cầu cung cấp tại Nghị quyết này; các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, bản dịch phải có xác nhận của người có thẩm quyền của ngân hàng được phép hoặc phải được công chứng hoặc chứng thực.

5. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mở tài khoản chuyên dùng tại một ngân hàng được phép khác thì phải chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản chuyên dùng đang sử dụng sang tài khoản chuyên dùng mới và thực hiện đóng tài khoản chuyên dùng đang sử dụng. Tài khoản chuyên dùng mới chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi tại Nghị quyết này sau khi đã đóng và tất toán tài khoản chuyên dùng đã mở trước đây.

6. Các lệnh chuyển tiền để thực hiện giao dịch mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài phải được ghi rõ mục đích chuyển tiền để ngân hàng được phép có cơ sở đối chiếu, kiểm tra, lưu giữ chứng từ, bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ, chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ mở tài khoản chuyên dùng;

b) Ban hành quy định nội bộ về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam, thông báo công khai để nhà đầu tư nước ngoài biết và thực hiện. Trong đó, quy định nội bộ tối thiểu có các nội dung sau: quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản chuyên dùng; quy định về thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng; quy định về việc sử dụng tài khoản chuyên dùng; quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại; và quy định về quản lý rủi ro trong việc mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 13 Nghị quyết này;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thực hiện mở, đóng và thực hiện các giao dịch thu, chi trên tài khoản chuyên dùng cho nhà đầu tư nước ngoài;

d) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

8. Nhà đầu tư nước ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính xác thực, hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp cho ngân hàng được phép; kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.

9. Chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu tiên hàng quý, ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng phải báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính, Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Phòng, chống rửa tiền, Cục Quản lý ngoại hối) về tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng để thực hiện giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài của quý liền kề trước đó theo Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Chương V

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của tổ chức phát hành tài sản mã hóa

1. Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, không gây hiểu nhầm về các thông tin cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, nhà đầu tư.

2. Phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia nơi nhà đầu tư nước ngoài là công dân; tuân thủ quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với tài sản làm cơ sở cho phát hành tài sản mã hóa (nếu có).

3. Chịu trách nhiệm thực hiện đúng theo các thông tin công bố tại Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa.

4. Chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp liên quan đến hoạt động phát hành tài sản mã hóa theo quy định của pháp luật.

5. Nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có các quyền sau:

- a) Được quyền hoạt động, kinh doanh theo nội dung tại Nghị quyết này;
- b) Được quyền thu giá dịch vụ liên quan đến hoạt động, kinh doanh tài sản mã hóa.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có các trách nhiệm sau:

a) Xác minh danh tính nhà đầu tư mở tài khoản; quản lý tách biệt tiền, tài sản mã hóa của khách hàng với tiền, tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa; giám sát hoạt động giao dịch; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin; bảo vệ tài sản của khách hàng; thu, nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia nơi cung cấp dịch vụ; báo cáo Bộ Tài chính trong trường hợp có thông tin liên quan đến doanh nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt áp dụng với tổ chức tài chính, trong đó đối với việc nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Phòng, chống rửa tiền được thực hiện khi giá trị giao dịch của khách hàng có giá trị quy đổi tương đương từ 1.000 Đô la Mỹ trở lên; sử dụng phương pháp phù hợp để theo dõi, giám sát liên tục giao dịch và mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, thường xuyên xác định, cập nhật các dấu hiệu đáng ngờ để kịp thời phát hiện và báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định;

c) Khi cung cấp dịch vụ nền tảng phát hành tài sản mã hóa, phải bảo đảm điều kiện phát hành, tính đầy đủ và chính xác của bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa hoặc các thông tin khác phải công bố thông qua hệ thống của tổ chức cung cấp dịch vụ; phối hợp với tổ chức phát hành bảo đảm tuân thủ quy định

của pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia nơi nhà đầu tư nước ngoài là công dân; định kỳ vào ngày 10 hàng tháng thông tin cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an về các đợt phát hành tài sản mã hóa trong tháng liền kề trước đó;

d) Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng thông tin cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an về tình hình thị trường giao dịch tài sản mã hóa trong tháng liền kề trước đó;

đ) Bảo đảm nhà đầu tư được cung cấp dịch vụ tuân thủ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết này; bảo đảm việc mở tài khoản của nhà đầu tư tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 16 Nghị quyết này;

e) Công khai biểu giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh tài sản mã hóa, trong đó nêu rõ các loại giá dịch vụ, mức giá áp dụng cho từng loại hình dịch vụ, hoạt động, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không được thu thêm bất kỳ loại giá dịch vụ nào ngoài biểu giá dịch vụ đã công bố. Trường hợp có sự thay đổi trong biểu giá dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải thông báo đến nhà đầu tư tối thiểu 30 ngày trước thời điểm áp dụng;

g) Bảo đảm thông tin quảng cáo, tiếp thị phải chính xác, đầy đủ, rõ ràng, không gây hiểu lầm;

h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán, thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;

i) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản mã hóa cho nhà đầu tư;

k) Lựa chọn loại tài sản mã hóa đưa vào giao dịch và báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

l) Lưu trữ trên hệ thống máy chủ tại Việt Nam tối thiểu 10 năm về lịch sử giao dịch, thông tin về người khởi tạo, người thụ hưởng (tối thiểu tên, địa chỉ, địa chỉ ví), lịch sử địa chỉ thiết bị đăng nhập hoặc địa chỉ giao thức Internet (sau đây gọi là địa chỉ IP) truy cập; thông tin thiết bị truy cập; thông tin mở tài khoản, thông tin tài khoản ngân hàng liên kết của nhà đầu tư;

m) Chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định của pháp luật; giải quyết và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật trong trường hợp nhà đầu tư bị mất tiền, tài sản mã hóa do hệ thống bảo mật mất an toàn, bị xâm nhập, bị lừa đảo;

n) Phòng ngừa xung đột lợi ích giữa nhà đầu tư và tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

o) Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý;

p) Trường hợp sử dụng dịch vụ của bên thứ ba để hỗ trợ thực hiện, cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải bảo đảm các bên thứ ba đáp ứng các tiêu chuẩn về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Việc sử dụng dịch vụ của bên thứ ba không miễn trừ trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trong trường hợp xảy ra sự cố công nghệ thông tin và tranh chấp liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

q) Trường hợp sửa đổi, bổ sung các quy trình quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị quyết này, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa chỉ được ban hành sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính. Đối với các quy trình quy định tại các điểm b, c, d, g, k khoản 6 Điều 8 của Nghị quyết này, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có trách nhiệm công bố các thông tin sau trên trang thông tin điện tử của mình và 01 tờ báo điện tử:

a) Công bố thông tin định kỳ: công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng được không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) trong thời hạn 15 ngày;

b) Công bố thông tin bất thường: trong thời hạn 24 giờ, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố các thông tin về tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi doanh nghiệp có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa; khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; khi nhận được quyết định của Bộ Tài chính về việc xử phạt vi phạm hành chính trên thị trường tài sản mã hóa; khi nhận được quyết định của Bộ Tài chính về việc đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động; khi bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch tài sản mã hóa cho khách hàng;

c) Công bố thông tin theo yêu cầu: tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải thực hiện công bố thông tin ngay khi nhận được yêu cầu của Bộ Tài chính công bố các thông tin liên quan đến doanh nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Nội dung thông tin công bố phải nêu rõ sự kiện được yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Quyền của nhà đầu tư:

a) Được mở nhiều tài khoản tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo nguyên tắc tại mỗi tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa chỉ được mở một tài khoản;

b) Được tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa giải quyết các tranh chấp, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Được tiếp cận đầy đủ thông tin do tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa công bố theo quy định của pháp luật;

d) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư tài sản mã hóa.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hoá và thị trường tài sản mã hoá;

b) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an quản lý, giám sát các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa; triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền; thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hoá trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hoá;

d) Chủ trì hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Nghị quyết này;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn tối đa 05 tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

e) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết này và đề xuất, kiến nghị đối với những vấn đề phát sinh (nếu có); thực hiện tổng kết, đánh giá sau thời gian thí điểm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện thí điểm và kiến nghị, đề xuất chính sách quản lý phù hợp;

g) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện hướng dẫn và giải đáp vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết này.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì thu thập, xử lý và phân tích, trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin theo quy định tại các Điều 41, 42, 43 Luật Phòng, chống rửa tiền; trình Chính phủ bổ sung đối tượng báo cáo quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền (trong trường hợp cần thiết).

3. Bộ Công an chủ trì thẩm định mức độ bảo mật, an ninh, an toàn mạng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, bảo đảm việc tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa theo thẩm quyền; phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng các quy định về hành vi vi phạm pháp luật hình sự, hình thức xử lý và mức phạt, thu hồi tài sản mã hóa trái phép trong lĩnh vực tài sản mã hóa, biện pháp khắc phục hậu quả đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hình sự khi tham gia vào thị trường tài sản mã hóa nếu cần thiết.

4. Các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền được giao, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với thị trường tài sản mã hóa theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Nghị quyết này và hướng dẫn của các cơ quan quản lý. Trong quá trình triển khai Nghị quyết này, cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia xây dựng, hướng dẫn việc thực hiện thí điểm được bảo vệ trước các rủi ro phát sinh do tính chất mới của thị trường tài sản mã hóa, trừ trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2025.

2. Thời gian thực hiện thí điểm: 5 năm kể từ thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

3. Sau khi kết thúc thời gian thực hiện thí điểm, thị trường tài sản mã hóa tiếp tục vận hành theo Nghị quyết này cho đến khi có quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Công an và các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3 b).

70



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP
ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu	Tên mẫu
Mẫu số 01	Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa
Mẫu số 03	Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn
Mẫu số 04	Bản thuyết minh cơ sở vật chất
Mẫu số 05	Danh sách nhân sự
Mẫu số 06	Bản thông tin cá nhân
Mẫu số 07	Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa
Mẫu số 08	Giấy đề nghị điều chỉnh, thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa
Mẫu số 09	Tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng liên quan đến giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Mẫu số 01. Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa

(trang bìa)

**BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY ABC***(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm...)**(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)***CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA***Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại: từ ngày:**Phụ trách công bố thông tin:**Họ tên:.....**Chức vụ:.....**Số điện thoại:.....*

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm.....)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

Tên tài sản mã hóa:.....

Số lượng tài sản mã hóa chào bán, phát hành:..... (token)

Giá chào bán, phát hành:.....

Tài sản cơ sở của tài sản mã hóa:....

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA (CUNG CẤP NỀN TẢNG PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA): *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, trang thông tin điện tử)*

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA (CUNG CẤP DỊCH VỤ TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH, LƯU KÝ TÀI SẢN MÃ HÓA): *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, trang thông tin điện tử)*

TỔ CHỨC KHÁC (nếu có)

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa

II. Các nhân tố rủi ro

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của Tổ chức phát hành

V. Thông tin về tài sản mã hóa được chào bán, phát hành

VI. Thông tin về đợt chào bán, phát hành

VII. Thông tin về tài sản cơ sở cho đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa

VIII. Thông tin về quyền và nghĩa vụ gắn với tài sản mã hóa

IX. Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư

X. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

1. Tổ chức phát hành

Ông/Bà:.....Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty;

Ông/Bà:.....Chức vụ: Tổng giám đốc (Giám đốc);

Ông/Bà:.....Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính);

Người chịu trách nhiệm chính khác hoặc tương đương đối với dự án chào bán, phát hành tài sản mã hóa (nếu có);

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi bảo đảm không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa (cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa)

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:Chức vụ:.....

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Việc phân tích các nhân tố rủi ro cần nêu ảnh hưởng đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành. Các nhân tố rủi ro cần được phân loại và đặt tiêu đề phù hợp theo nhóm, sắp xếp theo thứ tự các nhân tố rủi ro có khả năng ảnh hưởng tiêu cực theo mức độ từ cao xuống thấp. Các nhân tố rủi ro tối thiểu phải được đề cập tại Bản cáo bạch như sau:

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành (rủi ro kinh tế, rủi ro pháp luật, rủi ro đặc thù, ...);
2. Rủi ro liên quan đến các tài sản được sử dụng làm tài sản cơ sở;
3. Rủi ro liên quan đến tài sản mã hóa;
4. Rủi ro liên quan đến việc chào bán, phát hành và đưa tài sản mã hóa vào giao dịch;
5. Rủi ro liên quan đến công nghệ sử dụng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ,

nhóm từ khó hiểu, có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, trang thông tin điện tử, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành (nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành)

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành (thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)

4. Hoạt động kinh doanh (Tổ chức phát hành nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động):

- Đặc điểm hoạt động kinh doanh;
- Tình hình tài sản;
- Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu tài chính cơ bản,...);
- Vị thế của Tổ chức phát hành;
- Chiến lược kinh doanh.

5. Thông tin về các loại tài sản mã hóa khác đã được phát hành hoặc các hoạt động liên quan đến các tài sản mã hóa khác (nếu có): Thông tin từng loại tài sản mã hóa, số lượng đã phát hành của từng loại, thời gian phát hành, việc thực hiện các cam kết đối với từng tài sản mã hóa,...

6. Môi liên hệ giữa tổ chức phát hành và các đơn vị vận hành công nghệ mã hóa: Môi liên hệ giữa tổ chức phát hành với các đơn vị vận hành công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự được sử dụng để phát hành tài sản mã hóa,...

7. Thông tin về chủ sở hữu công ty/cổ đông/thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

- Đối với cá nhân: Tên, năm sinh, quốc tịch;
- Đối với tổ chức: Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật (tên, chức vụ), người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành (tên, chức vụ);
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và những người có liên quan của họ (trường hợp tổ chức phát hành là công ty cô

phần) hoặc giá trị, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên và những người có liên quan của họ (trường hợp tổ chức phát hành là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có).

7. Thông tin về người quản lý doanh nghiệp, bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành (nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ);

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ);

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cá nhân và những người có liên quan của họ (trường hợp tổ chức phát hành là công ty cổ phần) hoặc giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại tổ chức phát hành của cá nhân và những người có liên quan của họ (trường hợp tổ chức phát hành là công ty trách nhiệm hữu hạn);

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có);

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành (nếu có).

V. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN MÃ HÓA ĐƯỢC CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

- Tên và ký hiệu viết tắt hoặc mã giao dịch của tài sản mã hóa;

- Đặc điểm và chức năng của tài sản mã hóa được chào bán, phát hành, bao gồm thông tin về thời điểm các chức năng dự kiến sẽ được áp dụng;

- Thông tin chi tiết về các cá nhân hoặc tổ chức tham gia vào việc vận hành tài sản mã hóa (bao gồm nhóm cổ vấn, nhóm phát triển và các tổ chức cung cấp nền tảng phát hành và cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa);

- Mô tả vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ giải trình của các tổ chức là bên thứ ba tham gia vào quá trình chào bán, phát hành;

- Thông tin về kế hoạch liên quan đến tài sản mã hóa chào bán, phát hành (chi tiết về thời gian và nguồn lực dự kiến phân bổ);

- Thông tin về công nghệ nền tảng được sử dụng: các giao thức và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng để thực hiện việc nắm giữ, lưu trữ và chuyển nhượng; các cơ chế bảo đảm an toàn giao dịch và các loại giá dịch vụ liên quan.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

1. Tổng số lượng tài sản mã hóa chào bán, phát hành:

- Nêu số lượng tài sản mã hóa chào bán, phát hành; trường hợp chào bán, phát hành tài sản mã hóa cho nhiều đợt, nêu số lượng tài sản mã hóa dự kiến chào bán, phát hành của từng đợt;

- Số lượng chào bán, phát hành thành công tối thiểu (nếu có).

2. Giá chào bán, phát hành:.....

3. Thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa (cung cấp nền tảng phát hành) và tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa dự kiến (cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa)

4. Phương thức phân phối:

- Nêu rõ thông tin về thời gian đăng ký mua; việc xác minh danh tính và giới hạn đối tượng nhà đầu tư đăng ký mua; số lượng đăng ký mua tối thiểu, tối đa; xử lý trường hợp số lượng đăng ký mua vượt quá số lượng chào bán, phát hành; phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư không mua được hết số lượng tài sản mã hóa đăng ký; phương thức thanh toán; phương thức và lịch trình dự kiến chuyển giao tài sản mã hóa;

- Các yêu cầu kỹ thuật mà nhà đầu tư cần đáp ứng để nắm giữ tài sản mã hóa;

- Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa (cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa) tham gia việc phân phối tài sản mã hóa;

- Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa dự kiến (cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa) và thông tin về cách tiếp cận, chi phí liên quan.

5. Các xung đột tiềm ẩn liên quan đến đợt chào bán, phát hành

6. Hủy bỏ đợt chào bán, phát hành

- Đợt chào bán, phát hành bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu (nếu có);

- Nêu thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư; các điều khoản cam kết về bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong trường hợp quá thời hạn nêu trên.

7. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến tài sản mã hóa chào bán, phát hành)

VII. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CƠ SỞ CHO ĐỢT CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

- Loại tài sản cơ sở;

- Đặc điểm của tài sản cơ sở;

- Thông tin về sở hữu tài sản cơ sở;
- Các biện pháp bảo đảm đối với tài sản cơ sở;
- Các nguồn thu dự kiến trong tương lai của tài sản cơ sở;
- Quyền của tổ chức phát hành và của người sở hữu tài sản mã hóa đối với tài sản cơ sở;
- Thông tin về định giá tài sản cơ sở (nếu có): nêu rõ thông tin về tổ chức thẩm định giá, phương thức định giá, kết quả thẩm định giá.

VIII. THÔNG TIN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ GẮN VỚI TÀI SẢN MÃ HÓA

- Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu tài sản mã hóa, các trình tự thủ tục và điều kiện để thực hiện quyền;
- Thông tin về lộ trình đưa tài sản mã hóa vào giao dịch sau khi kết thúc đợt chào bán, phát hành;
- Thông tin về việc hạn chế chuyển nhượng tài sản mã hóa (nếu có);
- Cơ chế bảo vệ thanh khoản và bảo vệ giá trị tài sản mã hóa (nếu có);
- Việc xử lý quyền lợi cho người sở hữu tài sản mã hóa trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán;
- Thông tin về cách thức xử lý khiếu nại tranh chấp liên quan đến tài sản mã hóa;
- Thông tin về điều kiện, cách thức hoàn trả tài sản mã hóa bao gồm hình thức hoàn trả và đồng tiền hoàn trả.

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (nếu có)

....., ngày... tháng... năm....
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CUNG CẤP
 DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA**
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHÁC (nếu có)
(Chức vụ)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm....
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
 PHÁT HÀNH**
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm....
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM
 CHÍNH KHÁC HOẶC TƯƠNG
 ĐƯƠNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN CHÀO BÁN,
 PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA**
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

X. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên
- 3. Phụ lục III:** Điều lệ công ty
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán (nếu có)
- 5. Phụ lục V:** Danh mục các tài liệu pháp lý liên quan đến tài sản cơ sở (nếu có)
- 6. Các phụ lục khác (nếu có)**

Mẫu số 02. Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TÀI SẢN MÃ HÓA

Kính gửi: Bộ Tài chính

Chúng tôi là:

- Công ty (tên bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng Anh, tên viết tắt ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: do cấp ngày... tháng... năm....

- Vốn điều lệ:.....

- Vốn chủ sở hữu:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... Website:.....

- Thông tin về người quản lý doanh nghiệp của tổ chức đăng ký (ghi rõ họ và tên; chức danh; số định danh cá nhân¹/số hộ chiếu²; ngày, tháng, năm sinh).

- Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký (thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải).

Căn cứ các điều kiện cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định pháp luật, chúng tôi nhận thấy Công ty đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

Chúng tôi bảo đảm các thông tin trên đây và các thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định pháp luật hiện

¹ Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân.

² Đối với người nước ngoài chưa được cấp số định danh cá nhân.

hành có liên quan đến hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê các tài liệu kèm theo)

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03. Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN

TT	Tên cá nhân/ Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức			Tỷ lệ góp vốn (% vốn điều lệ)	
		Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương		Ngành nghề kinh doanh		
					Mã số	Ngày cấp			Nơi cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	I. Tổ chức								(Cộng)
1									
2									
	II. Cá nhân								(Cộng)
3									
4									
	Tổng cộng								

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê các tài liệu kèm theo)

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (3) và (7): Định dạng theo ngày/tháng/năm.
- Cột (4): Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân.
- Cột (5): Đối với người nước ngoài chưa được cấp số định danh cá nhân.
- Cột (9): Đường link thông tin về ngành nghề kinh doanh của tổ chức góp vốn trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- Cột (10): Định dạng % làm tròn đến số thập phân thứ hai.

Mẫu số 04. Bản thuyết minh cơ sở vật chất

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

- Tên tổ chức đăng ký (*Ghi bằng chữ in hoa*):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Số điện thoại:.....; website:.....

II. THUYẾT MINH CHI TIẾT

1. Diện tích, bố trí mặt bằng trụ sở làm việc

a) Tổng diện tích:.....

b) Bố trí phòng ban, mặt bằng giao dịch: (*Liệt kê diện tích cụ thể*)

-

-

2. Cơ sở vật chất:

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
I	Hệ thống trang thiết bị văn phòng		
1			
2			
...			
II	Hệ thống phục vụ cho tổ chức thị trường giao dịch, thanh toán		
1			
2	...		
...			
III	Hệ thống phục vụ cho hoạt động tự doanh		
1			

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
2			
...			
IV	Hệ thống phục vụ hoạt động lưu ký, quản lý tài sản khách hàng		
1	...		
2	...		
...			
V	Hệ thống phục vụ hoạt động cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa		
1	...		
2	...		
....			
VI	Hệ thống lưu trữ thông tin, cơ sở dữ liệu, lịch sử giao dịch		
1			
2			
...			
VII	Hệ thống an ninh, bảo mật thông tin		
1			
2	...		
...			
VIII	Hệ thống khác		
1			
2	...		
...			

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực đối với những nội dung trên.

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Danh sách nhân sự

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

DANH SÁCH NHÂN SỰ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán			Chữ ký
						Loại chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	I. (Tổng) giám đốc/ Giám đốc								
									
	II. Giám đốc công nghệ (hoặc vị trí tương đương)								
									
	III. Nhân sự công nghệ								
									
									
	IV. Nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán								
									
									

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
 (Người đại diện theo pháp luật)
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Cột (5): Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp sổ định danh cá nhân.
2. Cột (6): Đối với người nước ngoài chưa được cấp sổ định danh cá nhân.
3. Cột (7): Môi giới/Phân tích/Quản lý Quỹ,... khác (nếu có).
4. Cột (9): Định dạng theo ngày/tháng/năm.

Mẫu số 06. Bản thông tin cá nhân

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Ảnh (4 x 6)

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:..... Quốc tịch:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh: Ngày..... tháng..... năm.....
3. Số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam hoặc người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân):.....
4. Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài chưa được cấp số định danh cá nhân):.....
5. Điện thoại liên hệ:Email:.....
6. Trình độ chuyên môn:.....
7. Nghề nghiệp:.....
8. Chức vụ hiện tại:.....
9. Quá trình công tác (*chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí*):

Thời gian (Tháng/năm)	Nơi làm việc	Chức vụ/ Vị trí việc làm	Mô tả công việc
Từ.../... đến.../...			
Từ.../... đến.../...			

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07. Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BTC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam số/2025/NQ-CP ngày tháng năm 2025;

Xét Giấy đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa của [tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa];

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa cho:

CÔNG TY.....

- Tên tiếng Anh:

- Tên viết tắt:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Website:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do..... cấp ngày.... tháng.....năm.....;

- Vốn điều lệ: (.....đồng chẵn)

Điều 2. Công ty được phép thực hiện các dịch vụ, hoạt động sau đây:

1. Tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

2. Tự doanh tài sản mã hóa

3. Lưu ký tài sản mã hóa**4. Cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa**

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Giấy phép này được lập thành năm (05) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty; một (01) bản lưu tại Bộ Tài chính; một (01) bản gửi cho Bộ Công an; một (01) bản gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

TL. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 08. Giấy đề nghị điều chỉnh, thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

**TÊN TỔ CHỨC CUNG
CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN
MÃ HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH
TÀI SẢN MÃ HÓA**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa (*tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa*)

- Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa số:.....do Bộ Tài chính cấp ngàythángnăm.....

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho Công ty được điều chỉnh, thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa như sau:

I. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Trường hợp thay đổi tên công ty, địa chỉ đặt trụ sở chính, vốn điều lệ (thông tin thay đổi phải phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã điều chỉnh):

a. Trường hợp thay đổi tên của công ty

- Tên cũ:

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

+ Tên viết tắt:

- Tên mới:

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

+ Tên viết tắt:

- Lý do thay đổi:

b. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính

- Địa chỉ cũ:

- Địa chỉ mới:

- Lý do thay đổi:

c. Trường hợp thay đổi vốn điều lệ (*tăng, giảm vốn điều lệ*) của công ty

- Vốn điều lệ trước khi thay đổi:.....

- Vốn điều lệ công ty sau khi thay đổi:

- Lý do thay đổi:

2. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật mà không thay đổi chức danh

- Người đại diện theo pháp luật cũ:

+ Họ và tên:.....

+ Số định danh cá nhân¹/Số Hộ chiếu²:.....

+ Ngày, tháng, năm sinh:.....

+ Chức danh:.....

- Người đại diện pháp luật mới:

+ Họ và tên:.....

+ Số định danh cá nhân¹/Số Hộ chiếu²:.....

+ Ngày, tháng, năm sinh:.....

+ Chức danh:.....

- Lý do thay đổi:.....

3. Trường hợp thay đổi thông tin, chức danh của người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên:.....

- Số định danh cá nhân¹/Số Hộ chiếu²:.....

- Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Các thông tin thay đổi (thông tin thay đổi phải phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã điều chỉnh):.....

- Lý do thay đổi:.....

II. Đề nghị thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

Lý do đề nghị thu hồi:.....

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu trên và hồ sơ gửi kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:

(Liệt kê đầy đủ theo từng trường hợp)

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 09. Tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng liên quan đến giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

TÊN NGÂN HÀNG, CHI NHÁNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THU, CHI TRÊN TÀI KHOẢN CHUYÊN DÙNG
 LIÊN QUAN ĐẾN MUA, BÁN TÀI SẢN MÃ HÓA TẠI VIỆT NAM
 CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

(Quý ... năm ...)

Kính gửi:

- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối, Cục Phòng chống rửa tiền).

	Chỉ tiêu		
A	Mở tài khoản chuyên dùng để thực hiện giao dịch tài sản mã hóa	Số lượng (tài khoản)	Lũy kế (tài khoản)
	Số lượng tài khoản chuyên dùng mở trong kỳ		
B	Tình hình phát sinh giao dịch trên tài khoản chuyên dùng trong kỳ	Số phát sinh (triệu VND)	Số lũy kế (triệu VND)
1	Tổng thu:		
a	Thu chuyển khoản từ bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép;	...	...
b	Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;	...	...
c	Thu từ bán tài sản mã hóa theo quy định tại Nghị quyết này;	...	...
d	Thu chuyển số dư trong trường hợp thay đổi tài khoản chuyên dùng theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị quyết này;	...	...
đ	Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.	...	...
2	Tổng chi:		
a	Chi để mua tài sản mã hóa theo quy định tại Nghị quyết này;	...	...

b	Chỉ để chuyển sang tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;	...	...
c	Chỉ mua ngoại tệ tại ngân hàng được phép để chuyển tiền từ nguồn thu hợp pháp quy định tại Điều này ra nước ngoài;	...	...
d	Chỉ chuyển số dư sang tài khoản chuyên dùng mới theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị quyết này;	...	...
đ	Chỉ trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản, giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép	...	...

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
(Ký và ghi rõ họ tên)